

Bản án số: 189/2021/DS-PT

Ngày: 01-11-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng giao khoán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn và bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 180/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng giao khoán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 244/2021/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 193/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn 0, xã Đ, huyện P, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

1.2 Ông Võ Văn T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn 0, xã Đ, huyện P, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

1.3 Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn 0, xã Đ, huyện P, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần cà phê L (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê L).

Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, xã Đ, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoàng P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần cà phê L (Theo văn bản ủy quyền số 518, 520, 522/GUQ ngày 04 tháng 9 năm 2020): Ông Phạm Đình B, sinh năm 1957; địa chỉ: Đường D, thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Vào ngày 25/8/2011, tôi có đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên gửi Công ty TNHH MTV cà phê L (Nay là Công ty cổ phần cà phê L) để nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vôi trồng năm 1994 của Công ty có diện tích 9.600 m² (tương ứng với 0,96 ha). Trên cơ sở đơn của tôi thì vào ngày 27/8/2011, giữa tôi và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn số 1226/2011/HĐ-GK với nhau.

Theo hợp đồng số 1226/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 thì: Tôi đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vôi của Công ty có diện tích 9.600m² (tương ứng với 0,96ha). Địa điểm đất giao khoán thuộc đội T3, thửa đất số 13, tờ bản đồ số 21, địa chỉ thửa đất: thuộc xã Đ, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 50.077.761 đồng. Giá trị vườn cây còn lại: 31.544.556 đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 10 năm (từ niên vụ năm 2011-2012 cho đến niên vụ 2020-2021), tính từ ngày ký kết hợp đồng. Mức giao khoán hằng năm tôi phải nộp về Công ty theo thỏa thuận trong Hợp đồng giao khoán.

Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, tôi đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì tôi phát hiện Công ty có sự gian lận. Cụ thể: Tôi phát hiện Công ty đã gian lận chi phí nhân công cho diện tích 01ha của tôi trong 07 năm (từ năm 2011-2017); đã gian lận sản phẩm cà phê quả tươi làm thành cà phê quy nhân cho diện tích 01ha của tôi trong 07 năm (từ năm 2011-2017) và gian lận tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương trong 20 năm của tôi cho diện tích 01ha (từ năm 1998-2018) mà Công ty đã thu của tôi luôn phần 51% mà lẽ ra Công ty phải chịu. Do đó, tôi đã khởi kiện Công ty đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 86.954.753,2 đồng; buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 24.304.000 đồng; buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại cho tôi số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 1998-2018) là 5.100.000 đồng. Tổng cộng là: 116.358.753,2 đồng (*Một trăm mười sáu triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Theo hợp đồng thì diện tích tôi nhận khoán với Công ty là 0,96ha nhưng đơn khởi kiện tôi yêu cầu tính diện tích 01ha. Do đó tôi xin được sửa đổi lại nội dung khởi kiện. Và tại phiên tòa hôm nay, tôi xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của tôi với Công ty, không yêu cầu Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tổng số tiền 114.645.153,2 đồng (*Một trăm mười bốn triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn, một trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*). Đối với số tiền còn lại 1.713.600 đồng (*Một triệu, bảy trăm mười ba nghìn, sáu trăm đồng*) là tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương của tôi cho diện tích 0,96ha (từ năm 2011-2017) thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết

buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại cho tôi. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

*** Nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày:**

Vào ngày 25/8/2011, tôi có đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên gửi Công ty TNHH MTV cà phê L (Nay là Công ty cổ phần cà phê L) để nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối trồng năm 1977 của Công ty có diện tích 11.070m². Trên cơ sở đơn của tôi thì vào ngày 27/8/2011, giữa tôi và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn số 504/2011/HĐ-GK với nhau.

Theo hợp đồng số 504/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 thì: Tôi đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối của Công ty có diện tích 11.070m², diện tích bờ lô 1.607m². Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 17/3, thửa đất số 55, tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất: thuộc xã Đ, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 37.366.301 đồng. Giá trị vườn cây còn lại: 21.986.917 đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 04 năm, sau đó hai bên gia hạn đến niên vụ năm 2019-2020, tính từ ngày ký kết hợp đồng. (Việc gia hạn là gia hạn trên hợp đồng chính, không ký phụ lục hợp đồng). Mức giao khoán hằng năm phải nộp về Công ty theo thoả thuận trong Hợp đồng giao khoán.

Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, tôi đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì tôi phát hiện Công ty có sự gian lận. Cụ thể: Tôi phát hiện Công ty đã gian lận chi phí nhân công cho diện tích 01ha của tôi trong 07 năm (từ năm 2011-2017); đã gian lận sản phẩm cà phê quả tươi làm thành cà phê quy nhân cho diện tích 01ha của tôi trong 07 năm (từ năm 2011-2017) và gian lận tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương trong 20 năm của tôi cho diện tích 01ha (từ năm 1998-2018) mà Công ty đã thu của tôi luôn phần 51% mà lẽ ra Công ty phải chịu. Do đó, tôi đã khởi kiện Công ty đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 86.954.753,2 đồng; buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 24.304.000 đồng; buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại cho tôi số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích nhận khoán (từ năm 1998-2018) là 5.100.000 đồng. Tổng cộng là: 116.358.753,2 đồng (*Một trăm mười sáu triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Tại phiên tòa hôm nay, tôi xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của tôi với Công ty, không yêu cầu Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tổng số tiền 114.382.758,2 đồng (*Một trăm mười bốn triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi tám phẩy hai đồng*). Đối với số tiền còn lại 1.975.995 đồng (*Một triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, chín trăm chín mươi lăm đồng*) là tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương của tôi cho diện tích 1,107ha (từ năm 2011-2017) thì đề nghị Tòa án xem

xét, giải quyết buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại cho tôi. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:**

Vào ngày 25/8/2011, tôi có đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên gửi Công ty TNHH MTV cà phê L (Nay là Công ty cổ phần cà phê L) để nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối trồng năm 1977 của Công ty có diện tích 8.700m². Trên cơ sở đơn của tôi thì vào ngày 27/8/2011, giữa tôi và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn số 510/2011/HĐ-GK với nhau.

Theo hợp đồng số 510/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 thì: Tôi đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối của Công ty có diện tích 8.700m² (tương ứng 0,87ha), diện tích bờ lô 1.263m². Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 17/3, thửa đất số 61, tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất: Xã Đ, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 29.366.469 đồng. Giá trị vườn cây còn lại: 17.279.691 đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 04 năm, sau đó gia hạn đến niên vụ 2019-2020, tính từ ngày ký kết hợp đồng. (Việc gia hạn là gia hạn trên hợp đồng chính, không có ký phụ lục hợp đồng). Mức giao khoán hằng năm tôi phải nộp về Công ty theo thỏa thuận trong Hợp đồng giao khoán.

Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, tôi đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì tôi phát hiện Công ty có sự gian lận. Cụ thể: Tôi phát hiện Công ty đã gian lận chi phí nhân công cho diện tích 01ha của tôi trong 07 năm (từ năm 2011-2017), đã gian lận sản phẩm cà phê quả tươi làm thành cà phê quy nhân cho diện tích 01ha của tôi trong 07 năm (từ năm 2011-2017) và gian lận tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương trong 20 năm của tôi cho diện tích 01ha (từ năm 1998-2018) mà Công ty đã thu của tôi luôn phần 51% mà lẽ ra Công ty phải chịu. Do đó, tôi đã khởi kiện Công ty đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 86.954.753,2 đồng; buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 24.304.000 đồng; buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại cho tôi số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 1998-2018) là 5.100.000 đồng. Tổng cộng là: 116.358.753,2 đồng (*Một trăm mười sáu triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Theo hợp đồng thì diện tích tôi nhận khoán với Công ty là 0,87ha nhưng đơn khởi kiện tôi yêu cầu tính diện tích 01ha. Do đó tôi xin được sửa đổi lại nội dung khởi kiện. Và tại phiên tòa hôm nay, tôi xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của tôi với Công ty, không yêu cầu Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tổng số tiền 115.027.653,2 đồng (*Một trăm mười lăm triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, sáu trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*). Đối với số tiền còn lại 1.331.100 đồng (*Một triệu, ba trăm ba*

mười một nghìn, một trăm đồng) là tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương của tôi cho diện tích 0,87ha (từ năm 2011-2016) thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại cho tôi. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

*** Quá trình làm việc tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần cà phê L (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê L), ông Phạm Đình B trình bày:**

Công ty cổ phần cà phê L (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê L) thừa nhận là giữa Công ty với bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị S, ông Võ Văn T có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên với nhau, cụ thể:

- *Đối với bà Nguyễn Thị H:* Vào ngày 27/8/2011, giữa bà Nguyễn Thị H với Công ty TNHH MTV cà phê L (Nay là Công ty cổ phần cà phê L) đã ký Hợp đồng khoán gọn số 1226/2011/HĐ-GK với nhau.

- *Đối với ông Võ Văn T:* Vào ngày 27/8/2011, giữa ông Võ Văn T với Công ty TNHH MTV Cà phê L (Nay là Công ty cổ phần cà phê L) đã ký Hợp đồng khoán gọn số 504/2011/HĐ-GK với nhau.

- *Đối với bà Nguyễn Thị S:* Vào ngày 27/8/2011, giữa bà Nguyễn Thị S với Công ty TNHH MTV cà phê L (Nay là Công ty cổ phần cà phê L) đã ký Hợp đồng khoán gọn số 510/2011/HĐ-GK với nhau.

Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018 thì bà H, ông T, bà S đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty. Tuy nhiên, đến niên vụ thu hoạch cà phê 2018-2019 và 2019-2020, thì các ông bà đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty theo đúng cam kết trong Hợp đồng. Việc làm của các ông bà là vi phạm hợp đồng đã ký kết với Công ty. Tuy nhiên, Công ty chưa khởi kiện các ông bà về việc buộc các ông bà phải trả sản lượng và một số khoản nợ khác cho Công ty.

Nay bà Nguyễn Thị H, ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị S khởi kiện Công ty với nội dung yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của các ông bà cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 86.954.753,2 đồng/người; buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của các ông bà cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 24.304.000 đồng/người; buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại cho các ông bà số tiền thủy lợi phí cho diện tích 01ha tiền khấu hao kênh mương (từ năm 1998-2018) là 5.100.000 đồng/người. Tổng cộng là: 116.358.753,2 đồng/người. Với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị S thì phía bị đơn Công ty cổ phần cà phê L hoàn toàn không đồng ý. Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các ông bà. Lý do Công ty cổ phần cà phê L (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê L) hoàn toàn không đồng ý đối với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là vì: Giữa bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị S, ông Võ Văn T với Công ty TNHH

MTV cà phê L (Nay là Công ty cổ phần cà phê L) đã ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên với nhau là dựa trên Bộ luật dân sự, Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ, Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13/11/2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk, Nghị quyết hội nghị đại biểu người lao động ngày 26/3/2010, Biên bản họp mở rộng tham gia góp ý kiến phương án khoán gọn vườn cà phê ngày 10 tháng 02 năm 2011 và từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty, Phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên mà nòng cốt của phương án là trên cơ sở kế thừa và có sửa đổi “Phương án Hợp đồng hợp tác đầu tư & phân chia sản phẩm” mà Công ty đã thực hiện từ năm 1998 đến năm 2010.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 244/2021/DS-ST, ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các điều 388, 390, 392, 409, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật Đất đai năm 2003.

- Căn cứ Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại cho bà số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 0,96ha (từ năm 2011-2017) với số tiền là 1.713.600 đồng (*Một triệu, bảy trăm mười ba nghìn, sáu trăm đồng*).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với tổng số tiền 114.645.153,2 đồng (*Một trăm mười bốn triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn, một trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*). Bà Nguyễn Thị H được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

2. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn T:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 1,107ha (từ năm 2011-2017) với số tiền là 1.975.995 đồng (*Một triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, chín trăm chín mươi lăm đồng*).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T đối với tổng số tiền là 114.382.758,2 đồng (*Một trăm mười bốn triệu, ba trăm tám mươi hai*

ngàn, bảy trăm năm mươi tám phẩy hai đồng). Ông Võ Văn T được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

3. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại cho bà số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 0,87ha (từ năm 2011-2016) với số tiền là 1.331.100 đồng (*Một triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, một trăm đồng*).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại cho bà tổng số tiền là 115.027.653,2 đồng (*Một trăm mười lăm triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, sáu trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*). Bà Nguyễn Thị S được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất giai đoạn thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/7/2021 bị đơn Công ty cổ phần cà phê L kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 244/2021/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung bản án sơ thẩm, việc phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty phải trả tiền khấu hao hồ đập, kênh mương cho các nguyên đơn là không đảm bảo quyền lợi cho phía công ty.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tờ trình số 22/TTr-CTTNHH, ngày 12/2/2019 của Công ty, Công văn số 2832/UBND-KT ngày 11/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thanh toán lại tiền khấu hao kênh mương, hồ đập của Công ty TNHH MTV cà phê L, phiếu chi ngày 06/5/2019 của Công ty thì công ty đã chi trả cho những người nhận khoán qua đội trưởng đội T3 và đội 17/3 nhưng phía nguyên đơn chưa nhận.

Tại bảng phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt tại Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 và đơn xin nhận khoán gọn của các nguyên đơn gửi Công ty thể hiện nội dung “ *Chi phí tưới nước là 6.661.186 đồng/ha/năm (chi phí 100% trên vườn cây). Như vậy, phần 51% của Công ty là 3.397.205 đồng/ha/năm, còn lại phần 49% của người nhận khoán là 3.263.981 đồng/ha/năm. Chi phí khấu hao hồ đập, kênh mương là 500.000 đồng/ha/năm (chi phí 100% trên vườn cây). Như vậy, phần 51% của Công ty là 255.000 đồng/ha/năm, còn lại 49% của người nhận khoán là 245.000 đồng/ha/năm*”. Tại thời điểm ký kết hợp đồng dựa vào bảng phương án khoán gọn đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt. Công ty cho rằng Công ty thu 100% tiền khấu hao kênh mương của bà H, ông T, bà S là đúng theo

hợp đồng được nêu tại điểm c khoản 2 Điều 2 và điểm h khoản 2 Điều 3 của hợp đồng và tại trang 10 của bảng phương án khoán gọn là không có cơ sở.

Công ty cung cấp chứng cứ là Tờ trình ngày 06/01/2021 của Công ty gửi Sở tài chính và UBND tỉnh Đắk Lắk, Công văn số 53/2021/CV-CTCP ngày 01/3/2021 của Công ty phúc đáp Công văn số 490/STC-TCDN ngày 25/02/2021 của Sở tài chính, Báo cáo số 886/STC-BC ngày 08/4/2021 của Sở tài chính tỉnh Đắk Lắk; Công văn số 3489/UBND-KT ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc tạm dừng việc chi trả tiền khấu hao kênh mương, hồ đập cho người nhận khoán. Tuy nhiên, ngày 07/6/2021 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành công văn số 4987/UBND-KT V/v thu hồi Công văn số 3489/UBND-KT ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk với nội dung: “ Trong thời gian Tòa án đang tiến hành các thủ tục tố tụng. Công ty tạm dừng thanh toán số tiền khấu hao kênh mương còn lại cho các hộ nhận khoán cho đến khi kết thúc quá trình tố tụng tại Tòa án”.

Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty cung cấp Công văn số 11c/2021 ngày 03/8/2021 về việc ” thu hồi tờ trình số 22/TTr-CTTNHH, ngày 12/2/2019; Thông báo số 72/TB-CT ngày 24/4/2019; Thông báo số 714/TB-CTCP ngày 07/11/2020”. Qua xem xét các tài liệu này thấy nội dung chứng cứ không chứng minh được nghĩa vụ của Công ty nên không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty cho rằng đơn khởi kiện của ông T chỉ yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty phải trả cho ông T số tiền thủy lợi phí, tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01 ha nhưng án sơ thẩm lại tuyên buộc công ty phải trả số tiền này trên diện tích 1,107ha là vượt quá yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ. Bởi lẽ, đơn khởi kiện của ông T chỉ nêu tính tiền thủy lợi phí, khấu hao kênh mương theo công thức diện tích 01 ha. Quá trình hòa giải, đối chất cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông T yêu cầu tính trên diện tích 1,107ha.

Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần cà phê L là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần cà phê L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần cà phê L trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty phải trả lại tiền thủy lợi phí, tiền khấu hao kênh mương, cụ thể: Bà Nguyễn Thị H, từ năm 2011-2017, Công ty đã thu của bà là: 255.000đồng/ha/năm x 0,96ha x 07 năm = 1.713.600 đồng (bình quân mỗi năm thu 244.800 đồng). Ông Võ Văn T, từ

năm 2011-2017, Công ty đã thu của ông là: 255.000 đồng/ha/năm x 1,107ha x 07 năm = 1.975.995 đồng (bình quân mỗi năm thu 282.285 đồng). Bà Nguyễn Thị S, từ năm 2011-2016, Công ty đã thu của bà là: 255.000 đồng/ha/năm x 0,87ha x 06 năm = 1.331.100 đồng (bình quân mỗi năm thu 221.850 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

Trên cơ sở các đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên của bà H, ông T và bà S ngày 27/8/2011, Công ty TNHH MTV cà phê L đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê số 1226/2011/HĐ-GK với bà Nguyễn Thị H; Hợp đồng số 504/2011/HĐ-GK với ông Võ Văn T và Hợp đồng số 510/2011/HĐ-GK với bà Nguyễn Thị S. Xét hợp đồng giao khoán về hình thức, chủ thể tham gia giao kết và nội dung của hợp đồng được các bên tự nguyện giao kết phù hợp với quy định tại các Điều 388; 389; 401 và Điều 503 của Bộ luật dân sự năm 2005. Ngoài ra, các bên thừa nhận hợp đồng do Công ty soạn theo mẫu và đều có nội dung cơ bản như nhau.

Tại khoản 1 Điều 1 của các hợp đồng ghi *“Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê”*.

Tại điểm c khoản 2 Điều 2 của hợp đồng ghi *“Khi vào vụ tưới nước cho cà phê, Công ty mở nước cho bên B tưới với diện tích tưới nương. Diện tích tưới nương Công ty sẽ thu tiền khấu hao hồ đập kênh nương theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hàng năm”*.

Tại điểm h khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng ghi *“Đối với diện tích tưới nước trên hệ thống hồ đập, kênh nương của công ty thì phải nộp tiền khấu hao hồ đập, kênh nương cho bên A theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hàng năm”*.

Mặc dù, tại điểm c khoản 2 Điều 2 và điểm h khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng các bên có thỏa thuận đối với diện tích tưới nước trên hệ thống hồ đập, kênh nương của Công ty thì hộ nhận khoán phải nộp tiền khấu hao hồ đập, kênh nương nhưng lại không thỏa thuận rõ ràng, không cụ thể, đồng thời lại thỏa thuận theo đơn giá quy định tại Hội nghị người lao động hàng năm, trong khi Hội nghị người lao động hàng năm không thỏa thuận về tiền chi phí hồ đập, kênh nương. Do đó, có căn cứ xác định hợp đồng khoán gọn vườn cây do Công ty soạn thảo theo mẫu có điều khoản không rõ ràng về quyền và nghĩa vụ các bên đối với chi phí tưới nước hồ đập kênh nương.

Theo quy định tại các khoản 1, 7 và 8 Điều 409 của BLDS năm 2005 quy định:

“1. Khi hợp đồng có điều khoản không rõ ràng thì không chỉ dựa vào ngôn từ của hợp đồng mà còn phải căn cứ vào ý chí chung của các bên để giải thích điều khoản đó.

7. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa ý chí chung của các bên với ngôn từ sử dụng trong hợp đồng thì ý chí chung của các bên được dùng để giải thích hợp đồng.

8. Trong trường hợp bên mạnh thế đưa vào hợp đồng nội dung bất lợi cho bên yếu thế thì khi giải thích hợp đồng phải theo hướng có lợi cho bên yếu thế”.

Xét thấy, Công ty là chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, soạn thảo hợp đồng theo mẫu đồng thời là bên xây dựng, soạn thảo và ban hành phương án khoán gọn vườn cây, đồng thời Công ty là người lập Tờ trình số 22/TTr ngày 12/02/2009 về việc xin chủ trương thanh toán lại khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập công ty đã thu của người nhận khoán từ năm 2011-2017 xác định “*Trong quá trình thực hiện phương án Công ty đã thu nhằm khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ, đập đối với các hộ nhận khoán gọn vườn cà phê có tưới nước trên hệ thống kênh mương, hồ đập của công ty, thời gian thu nhằm từ năm 2011-2017. Mức khấu hao kênh mương, hồ đập theo phương án khoán gọn là 500.000 đồng/ha/năm. Theo quy định trong phương án khoán gọn phần Công ty chịu 51% là 255.000 đồng/ha/năm, phần hộ nhận khoán chịu là 49% là 245.000.000 đồng/ha/năm. Nay các hộ nhận khoán yêu cầu Công ty phải trả lại số tiền 51% mà Công ty đã thu nhằm. Công ty đã tiến hành kiểm tra, rà soát và tính toán cụ thể theo từng năm số tiền mà công ty đã thu nhằm là 255.000 đồng/ha/năm phải trả cho hộ nhận khoán gọn có tưới nước trên hệ thống kênh mương, hồ đập của Công ty 7 năm là 1.266.242.988 đồng*”. Công văn số 2832/UBND-KT ngày 11/4/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thanh toán lại khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập của Công ty cà phê L với nội dung: “*Đồng ý chủ trương cho Công ty hoàn trả lại tiền khấu hao kênh mương, hồ đập mà Công ty đã thu của các hộ nhận khoán từ năm 2011-2017, số tiền 1.266.242.988 đồng*”. Ngày 24/4/2019, Công ty ban hành Thông báo số 72/TB-CT với nội dung: “*Công ty thanh toán khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập đã thu của các hộ nhận khoán gọn vườn cà phê (phần 51%) từ năm 2011-2017 (có bảng kê chi tiết, cụ thể từng hộ nhận khoán gọn vườn cà phê được nhận kèm theo)*”. Ngày 07/11/2020, Công ty ban hành Thông báo 714/TB-CT mời các hộ nhận khoán đến văn phòng Công ty trực tiếp nhận lại tiền khấu hao kênh mương, hồ đập, thực tế kể từ khi Công ty ban hành thông báo chi trả lại tiền khấu hao kênh mương, hồ đập, Công ty đã trả cho 352 hộ nhận khoán, với số tiền trên là 678.970.928 đồng. Như vậy, Thông báo số 72 và Thông báo 714 của Công ty là văn bản giải thích cho điều khoản không rõ ràng của hợp đồng khoán gọn và có lợi cho những hộ nhận khoán. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với Hợp đồng giao khoán, phù hợp với các Điều 388, 389, 401, 409, Điều 501 và Điều 503 của BLDS năm 2005, phù hợp với Tờ trình số 22/TTr ngày 12/02/2009; Thông báo 72 và Thông báo 714 của Công ty.

[2.2] Bản án sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện và giành quyền khởi kiện lại cho bà Nguyễn Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tổng số tiền 114.645.153,2 đồng; Ông Võ Văn T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tổng số tiền 114.382.758,2 đồng; bà Nguyễn Thị S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tổng số tiền 115.027.653,2 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ như nhận định tại mục [2.1]. Mặt khác, Công ty là người xây dựng, soạn thảo và ngày 28/01/2011, Công ty ban hành

phương án khoán gọn vườn cà phê cho các hộ nông trường viên. Tại trang 9 mục 4.1 phần thứ 2 của Phương án ghi “*Chỉ tiêu chi phí khấu hao hồ đập, kênh mương 500.000 đồng/ha/năm, phần 51%(Công ty) là 255.000 đồng, phần 49%(hộ nhận khoán) là 245.000 đồng*”. Tại trang 10 mục 4.3 phần thứ 2 của Phương án ghi “*được sản lượng phần 51-49 2.800kg, phần giao nộp 51% là 1.428kg, phần 49% là 1.372kg. Từ số liệu trên công ty xây dựng định mức giao khoán như sau: Chi phí phần 51% là 713kg; Định mức sản lượng giao nộp khoán gọn 1.428kg - 713kg = 715kg (quy tròn 700kg). Chi phí 51% quy nhân 731kg, cà phê nhân; Định mức khoán gọn giao nộp 7 tạ nhân/ha/năm là mức cao nhất trong chu kỳ kinh doanh của vườn cà phê*”. Như vậy, định mức khoán gọn cố định tối đa mà người nhận khoán phải giao nộp cho công ty là 700kg cà phê nhân/ha/năm, trong đó đã khấu trừ chi phí bao gồm 51% chi phí khấu hao kênh mương hồ đập tương đương 255.000 đồng/ha/năm mà Công ty phải chịu. Như vậy, phương án khoán gọn do phía Công ty soạn thảo, xây dựng và ban hành vào ngày 28/01/2011, ngày 14/02/2011 Công ty có tờ trình xin phê duyệt phương án, ngày 08/06/2011, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk về phê duyệt phương án khoán gọn. Đây là quan hệ hành chính giữa cơ quan quản lý hành chính với đơn vị trực thuộc (giữa UBND tỉnh Đắk Lắk với Công ty). Đối với Công ty và hộ nhận khoán quyền và lợi ích của các bên được điều chỉnh bởi hợp đồng khoán gọn được giao kết cùng ngày 27/8/2011, trong khi đó quyền và nghĩa vụ của các bên đối với chi phí khấu hao kênh mương tại các điều khoản của hợp đồng khoán gọn lại không được xác định rõ ràng dẫn đến các bên có cách hiểu khác nhau như đã phân tích và nhận định tại mục [2.1]. Công ty chính là chủ thể xây dựng phương án khoán gọn và được ban hành trước thời điểm giao kết hợp đồng với hộ nhận khoán, Ngày 24/4/2019, Công ty ban hành Thông báo số 72/TB-CT với nội dung “*Công ty thanh toán khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập đã thu của các hộ nhận khoán gọn vườn cà phê (phần 51%) từ năm 2011-2017 (có bảng kê chi tiết, cụ thể từng hộ nhận khoán gọn vườn cà phê được nhận kèm theo)*”. Và ngày 07/11/2020, Công ty ban hành Thông báo 714/TB-CT, đồng thời thực tế kể từ khi Công ty ban hành các Thông báo số 72, Thông báo 714 đến nay Công ty đã chi trả lại số tiền khấu hao kênh mương hồ đập cho 352 hộ nhận khoán, với tổng số tiền là 678.970.928 đồng. Do đó, các Thông báo số 72, 714 được xác định là văn bản giải thích về điều khoản chưa rõ, chưa cụ thể, có nhiều cách hiểu của hợp đồng mà các bên đã giao kết.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty cho rằng đơn khởi kiện của ông T chỉ yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty phải trả cho ông T số tiền thủy lợi phí, tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01 ha nhưng án sơ thẩm lại tuyên buộc công ty phải trả số tiền này trên diện tích 1,107ha là vượt quá yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ. Bởi lẽ, đơn khởi kiện của ông T chỉ nêu tính tiền thủy lợi phí, khấu hao kênh mương theo công thức diện tích 01 ha. Quá trình hòa giải, đối chất cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông T yêu cầu tính trên diện tích 1,107ha.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty cổ phần cà phê L – Giữ nguyên Bản án sơ thẩm

số 244/2021/DS-ST, ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn Công ty cổ phần cà phê L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần cà phê L – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 244/2021/DS-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 388, 390, 392, 409, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật Đất đai năm 2003.

Căn cứ Điều 24, Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại cho bà số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 0,96ha (từ năm 2011-2017) với số tiền là 1.713.600 đồng (*Một triệu, bảy trăm mười ba nghìn, sáu trăm đồng*).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với tổng số tiền 114.645.153,2 đồng (*Một trăm mười bốn triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn, một trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*). Bà Nguyễn Thị H được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn T:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao

kênh mương cho diện tích 1,107ha (từ năm 2011-2017) với số tiền là 1.975.995 đồng (*Một triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, chín trăm chín mươi lăm đồng*).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T đối với tổng số tiền là 114.382.758,2 đồng (*Một trăm mười bốn triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi tám phẩy hai đồng*). Ông Võ Văn T được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

[2.3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại cho bà số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 0,87ha (từ năm 2011-2016) với số tiền là 1.331.100 đồng (*Một triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, một trăm đồng*).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc: Buộc Công ty cổ phần cà phê L phải trả lại cho bà tổng số tiền là 115.027.653,2 đồng (*Một trăm mười lăm triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, sáu trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*). Bà Nguyễn Thị S được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty cổ phần cà phê L (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê L) phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm [theo mức thấp nhất của tranh chấp về dân sự có giá ngạch từ 6.000.000 đồng trở xuống (1.713.600 đồng + 1.975.995 đồng + 1.331.100 đồng = 5.020.695 đồng)].

- Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 2.908.000 đồng (*Hai triệu, chín trăm lẻ tám nghìn*) tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P theo biên lai thu số AA/2019/0015989 ngày 26/8/2020.

- Hoàn trả cho nguyên đơn ông Võ Văn T số tiền 2.908.000 đồng (*Hai triệu, chín trăm lẻ tám nghìn*) tiền tạm ứng án phí mà ông Võ Văn T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P theo biên lai thu số AA/2019/0015986 ngày 25/8/2020.

- Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị S số tiền 2.908.000 đồng (*Hai triệu, chín trăm lẻ tám nghìn*) tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị S đã nộp (do ông Vũ Văn Vĩnh nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P theo biên lai thu số AA/2019/0015993 ngày 26/8/2020.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần cà phê L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà Công ty cổ phần cà phê L đã nộp theo biên lai thu số 0006475 ngày 23/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- CCTHADS huyện P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hằng